

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thi tuyển
viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang;

Xét đề nghị của Hội đồng thi tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2017 tại Tờ trình số 273/TTr-HĐTT ngày 27/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi tuyển viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2017 cho 40 thí sinh trúng tuyển (*danh sách kèm theo*), trong đó:

- | | |
|---|----------|
| - Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II: | 09 người |
| - Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III: | 18 người |
| - Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV: | 07 người |
| - Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV: | 03 người |
| - Chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng III: | 01 người |
| - Chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV: | 02 người |

Điều 2. Thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách tại Điều 1 được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, Thủ

trường các ngành có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Chợ*

Nơi nhận: *Chợ*

- Sở Nội vụ tỉnh KG;
- Như Điều 3;
- CT và Phó CT UBND TP;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Chợ
Nguyễn Quốc Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2017

(kèm theo Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 09 / 10 /2017 của Chủ tịch UBND thành phố Rạch Giá)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí việc làm	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm môn thi điều kiện		Điểm môn thi kiến thức chung (hệ số 1)	Điểm môn thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành		Tổng điểm (đã tính hệ số, không tính môn thi điều kiện)	Ghi chú
							Tin học	Tiếng Anh		Trắc nghiệm (hệ số 1)	Thực hành (hệ số 2)		
1	15	Bùi Mỹ Tiên	29/04/1989	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	65	60	96	95	200	391	
2	03	Nguyễn Thị Tuyết Dung	08/08/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	80	51	99	90	200	389	
3	13	Phạm Lê Trần Vân Thi	02/07/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	70	55	96,5	90	200	386,5	
4	11	Đỗ Thanh Phương	19/05/1988	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	75	55	98,5	90	196	384,5	
5	02	Nguyễn Thị Bích Dung	27/07/1991	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	85	70	90,5	90	196	376,5	
6	01	Vũ Thị Đào	16/07/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	80	50	95,5	90	186	371,5	
7	09	Nguyễn Thị Huỳnh Như	29/08/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	60	65	78	90	190	358	
8	14	Dương Thị Thơm	15/01/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Bình Minh	75	56	63	90	180	333	
9	34	Phan Thị Huỳnh Như	10/03/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Bình Minh	65	62	98,5	95	190	383,5	
10	29	Lê Thị Thùy Linh	17/11/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Bình Minh	80	62	90	80	200	370	
11	19	Danh Thị Cúc	27/07/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Bình Minh	70	60	99,5	80	188	367,5	
12	37	Danh Thị Quí	04/02/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Bình Minh	65	69	97,5	65	200	362,5	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Vị trí việc làm	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm môn thi điều kiện		Điểm môn thi kiến thức chung (hệ số 1)	Điểm môn thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành		Tổng điểm (đã tính hệ số, không tính môn thi điều kiện)	Ghi chú
								Tin học	Tiếng Anh		Trắc nghiệm (hệ số 1)	Thực hành (hệ số 2)		
13	39	Nguyễn Thị	Thảo	04/04/1991	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hoa Hồng	75	69	99	85	190	374	
14	41	Trần An	Thư	12/01/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hoa Hồng	80	68	98	85	180	363	
15	28	Bùi Thị	Linh	03/11/1987	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hoa Hồng	70	50	84	65	200	349	
16	18	Đặng Thị Kim	Còn	26/10/1992	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hướng Dương	80	59	75	90	200	365	
17	21	Nguyễn Mỹ	Dung	19/10/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hướng Dương	85	66	75	80	200	355	
18	20	Phan Hồng	Diễm	09/03/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hướng Dương	70	65	74	80	200	354	
19	42	Thị Cẩm	Thuy	22/03/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Hướng Dương	65	60	98	85	170	353	
20	35	Hồ Thị Tuyết	Như	19/02/1992	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Ngôi Sao	60	61	98	95	180	373	
21	12	Võ Thị	Thảo	16/12/1990	Nữ	Giáo viên mầm non hạng II	Trường mầm non Sen Hồng	60	64	93	90	200	383	
22	40	Trương Thị Thu	Thảo	09/08/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Sen Hồng	75	65	97	80	190	367	
23	36	Lê Thị	Nị	09/09/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mầm non Sen Hồng	65	63	73,5	80	186	339,5	
24	53	Danh Nữ	Huyền	27/08/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Ánh Dương	75	56	98	100	200	398	
25	51	Nguyễn Thị	Huệ	22/02/1992	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Ánh Dương	50	60	84	100	190	374	
26	64	Lê Hải	Triều	18/04/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Ánh Dương	50	76	88	90	190	368	
27	56	Chương Kim	Nương	10/10/1996	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Ánh Dương	65	55	91	95	180	366	
28	63	Nguyễn Thùy	Trang	29/03/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Ánh Dương	60	51	100	55	190	345	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí việc làm	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm môn thi điều kiện		Điểm môn thi kiến thức chung (hệ số 1)	Điểm môn thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành		Tổng điểm (đã tính hệ số, không tính môn thi điều kiện)	Ghi chú
							Tin học	Tiếng Anh		Trắc nghiệm (hệ số 1)	Thực hành (hệ số 2)		
29	30	Lâm Thị Lý	18/03/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mẫu giáo Hoa Lan	80	70	97	80	200	377	
30	32	Huỳnh Thị Mộng	15/01/1986	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mẫu giáo Hoa Mai	75	60	85	85	200	370	
31	16	Hồng Minh Châu	24/12/1994	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mẫu giáo Hương Sen	65	65	86,5	85	200	371,5	
32	23	Nguyễn Thị Kim Giản	06/06/1995	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Trường mẫu giáo Hương Sen	65	56	60,5	75	170	305,5	
33	50	Hồng Mỹ Dung	25/10/1986	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Hương Sen	50	54	72,5	95	184	351,5	
34	54	Đinh Hoa Lài	16/01/1992	Nữ	Giáo viên mầm non hạng IV	Trường mẫu giáo Hương Sen	60	58	95	70	170	335	
35	75	Lê Nguyễn Huy Thắng	01/01/1996	Nam	Giáo viên tiểu học hạng IV	Trường tiểu học Châu Văn Liêm	65	85	97,5	80	180	357,5	
36	69	Trần Văn Hữu	18/01/1991	Nam	Giáo viên tiểu học hạng IV	Trường tiểu học Hồng Bàng	50	72	93	70	166	329	
37	71	Nguyễn Phan Khởi	04/09/1995	Nam	Giáo viên tiểu học hạng IV	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	60	67	87,5	70	132	289,5	
38	82	Cù Thị Thanh Thảo	20/09/1996	Nữ	Thư viện viên hạng IV	Trường tiểu học Trần Văn Ôn	65	72	65	85	108	258	
39	80	Trần Thị Thu Đông	06/08/1995	Nữ	Thư viện viên hạng IV	Trường tiểu học Trương Định	60	59	84,5	70	192	346,5	
40	77	Hồ Thị Hồng Ân	10/06/1992	Nữ	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	65	76	93	90	137	320	



CHỦ TỊCH *CLAY*

Nguyễn Quốc Sử